

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Số: 26 /2021/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 15 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thái Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

*Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của
Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày
14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ
Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06
tháng 8 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật Giá về thẩm định giá;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ
Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11
năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều
của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của
Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-
BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 Hướng dẫn thực hiện Nghị định số
177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết
và hướng dẫn một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2018 của
Bộ Tài chính Quy định chế độ báo cáo giá thị trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 463/TTr-STC
ngày 07 tháng 10 năm 2021.*



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “ Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thái Bình”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2021.
2. Quyết định này bãi bỏ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình Ban hành quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

b) Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 02/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình;

c) Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình Bãi bỏ Điểm c và sửa đổi, bổ sung Điểm d Khoản 1 Điều 10 của Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các Giám đốc Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Sog*

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch; các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Cục thuế tỉnh;
- Báo Thái Bình;
- Công báo tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, KHTC

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Thận

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thái Bình

(Kèm theo Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định thực hiện quản lý nhà nước về giá trong các lĩnh vực: Bình ổn giá; đăng ký giá; định giá; hiệp thương giá; kiểm tra yếu tố hình thành giá; kê khai giá; niêm yết giá; công khai thông tin về giá; thẩm định giá của nhà nước; cơ sở dữ liệu về giá và chế độ báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh; người tiêu dùng; cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

BÌNH ỔN GIÁ, ĐĂNG KÝ GIÁ

Điều 3. Bình ổn giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá (Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ).

2. Trường hợp thực hiện bình ổn giá thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính Phủ.

3. Thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong việc thực hiện bình ổn giá:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh có thẩm quyền, trách nhiệm quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp áp dụng bình ổn giá tại địa phương theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính Phủ.

b) Sở Tài chính là cơ quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện bình ổn giá, thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định

chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá (Thông tư số 56/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính).

c) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 7 Điều 7 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính Phủ.

Điều 4. Đăng ký giá

1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện đăng ký giá:

Hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính Phủ trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá.

2. Cơ quan tiếp nhận và đối tượng thực hiện đăng ký giá:

a) Sở Tài chính:

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thông báo Danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng đăng ký giá trên địa bàn tỉnh khi Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá;

- Tổ chức triển khai Thông báo danh sách các đối tượng đăng ký giá thuộc thẩm quyền khi Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá;

- Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng đăng ký giá quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, i, k khoản 1 Điều 3 Nghị định 177/2013/NĐ-CP của Chính Phủ;

- Công khai giá đăng ký của các tổ chức trên trang thông tin điện tử của cơ quan hoặc phương thức thích hợp khác.

b) Sở Công Thương:

- Tổ chức triển khai Thông báo danh sách các đối tượng đăng ký giá thuộc thẩm quyền khi Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá;

- Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi theo hướng dẫn của Bộ Công Thương.

c) Sở Y tế:

- Tổ chức triển khai Thông báo danh sách các đối tượng đăng ký giá thuộc thẩm quyền khi Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá;

- Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

d) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện):

- Thông báo Danh sách các cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng đăng ký giá trên địa bàn khi Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá trên địa bàn quản lý;

- Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các cá nhân, hộ gia đình sản xuất kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng đăng ký giá trên địa bàn;

- Công khai giá đăng ký của các cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng đăng ký giá tại địa bàn trên trang thông tin điện tử của cơ quan hoặc phương thức thích hợp khác;

- Tổng hợp, đánh giá, lập báo cáo kết quả thực hiện đăng ký giá của các cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh trên địa bàn khi Nhà nước kết thúc áp dụng biện pháp bình ổn giá gửi về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục quản lý giá - Bộ Tài chính.

đ) Các sở chuyên ngành (Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Y tế) chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan chuyên môn của tỉnh rà soát, đề xuất danh sách tổ chức đăng ký giá tại địa phương khi Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá thuộc lĩnh vực quản lý gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thông báo danh sách các tổ chức đăng ký giá tại địa phương.

e) Sở Công Thương, Sở Y tế tổng hợp, đánh giá, lập báo cáo kết quả thực hiện đăng ký giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh trên địa bàn khi Nhà nước kết thúc áp dụng biện pháp bình ổn giá gửi về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục quản lý giá - Bộ Tài chính.

3. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc diện đăng ký giá thực hiện đăng ký giá theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ (Nghị định 149/2016/NĐ-CP của Chính phủ).

4. Cách thức thực hiện đăng ký giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 56/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

5. Quy trình tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 56/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

6. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 56/2014/TT-BTC và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Mục 2

ĐỊNH GIÁ

Điều 5. Thẩm quyền quyết định giá

1. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Giá hàng hóa, dịch vụ khác phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quy trình thẩm định phương án giá

1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở quản lý ngành, lĩnh vực, tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh lập Hồ sơ phương án giá gửi Sở Tài chính thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

a) Sở quản lý ngành, lĩnh vực, tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh được giao nhiệm vụ lập hồ sơ phương án giá theo lĩnh vực được phân công có trách nhiệm lập hồ sơ phương án giá, gửi cơ quan chủ quản xem xét (trong trường hợp đơn vị trực thuộc lập hồ sơ phương án giá), lấy ý kiến tham gia của các sở, ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; trên cơ sở đó tổng hợp ý kiến, hoàn chỉnh lại phương án và có văn bản kèm theo hồ sơ phương án giá gửi Sở Tài chính thẩm định.

b) Sau khi nhận đầy đủ Hồ sơ phương án giá theo quy định, Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định phương án giá. Căn cứ vào nội dung phương án giá và các quy định của pháp luật có liên quan, Sở Tài chính tự tổ chức thẩm định hoặc mời các sở, ngành có liên quan tham gia thẩm định.

c) Trên cơ sở kết quả thẩm định giá, Sở Tài chính có văn bản thông báo kết quả thẩm định đến cơ quan, đơn vị để hoàn thiện Hồ sơ phương án giá.

d) Căn cứ vào nhiệm vụ được phân công tại Điều 7 Quy định này, quy định của pháp luật về giá và quy định của pháp luật có liên quan, Sở Tài chính hoặc sở quản lý ngành, lĩnh vực, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Thời hạn thẩm định phương án giá và thời hạn quyết định giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

3. Hồ sơ phương án giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

4. Việc thẩm định và trình, quyết định Bảng giá đất, Bảng giá đất điều chỉnh, phương án giá đất thực hiện theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mà pháp luật chuyên ngành có quy định về thẩm định giá hoặc thẩm định phương án giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 7. Quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan trong việc định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 56/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

b) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Hệ số điều chỉnh giá đất hàng năm;
- Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, thuê mặt nước; đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm; đơn giá thuê đất có mặt nước;
- Bảng giá tính thuế tài nguyên;
- Bảng giá làm căn cứ tính lệ phí trước bạ đối với nhà;
- Mức thu tiền sử dụng khu vực biển;
- Giá thóc để tính thu thuế sử dụng đất nông nghiệp;
- Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật chuyên ngành.

c) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định Bảng giá đất, Bảng giá đất điều chỉnh; Hội đồng thẩm định giá đất theo quy định của pháp luật đất đai.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện các quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh, việc chấp hành pháp luật về giá trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Giao thông Vận tải xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

a) Giá tối đa: Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

b) Khung giá: Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container, dịch vụ lai dắt thuộc khu vực cảng biển) do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

c) Giá cụ thể dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

d) Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển.

đ) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Sở Xây dựng xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

a) Giá tối đa: Dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

b) Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở.

c) Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương.

d) Giá mua nhà ở thương mại để bố trí nhà ở tái định cư.

đ) Giá dịch vụ quản lý vận hành nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; Giá dịch vụ nhà chung cư trên địa bàn tỉnh.

e) Đơn giá bồi thường nhà và công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

g) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

a) Bảng giá đất, Bảng giá đất điều chỉnh.

b) Giá cụ thể dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ tọa độ.

c) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật chuyên ngành.

5. Sở Công Thương xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

a) Giá tối đa dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

b) Giá cụ thể dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

c) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật chuyên ngành.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

a) Khung giá: Dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

b) Giá cụ thể: Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác do địa phương quản lý.

c) Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu.

d) Mức bồi thường các loại cây trồng, mức bồi thường vật nuôi là thủy sản mà tại thời điểm thu hồi đất chưa đến thời kỳ thu hoạch.

đ) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật chuyên ngành.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định:

a) Giá dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (học phí) thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

b) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật chuyên ngành.

8. Sở Y tế xây dựng, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định:

a) Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế) và gửi quyết định giá về Bộ Y tế, Bộ Tài chính để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước.

b) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật chuyên ngành.

9. Cục Thuế tỉnh:

a) Khảo sát, đề xuất giá thóc trên địa bàn tỉnh gửi Sở Tài chính để trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành mức giá thóc để tính thu thuế sử dụng đất nông nghiệp.

b) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá hàng hóa, dịch vụ khác theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật chuyên ngành.

10. Các sở, ngành theo chức năng nhiệm vụ được giao:

a) Chủ trì xây dựng và trình giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý được cấp có thẩm quyền đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp cùng Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan thực hiện thẩm định giá hoặc thẩm định phương án giá theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định của pháp luật.

Mục 3

HIỆP THƯƠNG GIÁ

Điều 8. Hiệp thương giá

1. Trường hợp tổ chức hiệp thương giá, thẩm quyền và trách nhiệm tổ chức hiệp thương giá, kết quả hiệp thương giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 23, Điều 24 và Điều 25 Luật Giá.

2. Hồ sơ hiệp thương giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 56/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

3. Trình tự tổ chức hiệp thương giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP và Điều 11 Thông tư số 56/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Mục 4

KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 9. Kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục phải kiểm tra các yếu tố hình thành giá theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Giá năm 2012.

2. Căn cứ để kiểm tra các yếu tố hình thành giá:

a) Các Văn bản quy phạm pháp luật quy định về phương pháp định giá chung do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành, hướng dẫn phương pháp định giá đối với từng lĩnh vực cụ thể do cơ quan có thẩm quyền ban hành và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Các tài liệu phục vụ kiểm tra các yếu tố hình thành giá quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 56/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

3. Trình tự, thời hạn kiểm tra các yếu tố hình thành giá thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 13 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Thẩm quyền quyết định kiểm tra các yếu tố hình thành giá thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 56/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

5. Xử lý các hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Mục 5

KÊ KHAI GIÁ, NIÊM YẾT GIÁ, CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ GIÁ

Điều 10. Kê khai giá

1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP của Chính phủ, bao gồm:

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá.

b) Xi măng, thép xây dựng.

c) Than.

d) Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

đ) Giấy in, viết (dạng cuộn), giấy in báo sản xuất trong nước.

e) Dịch vụ tại cảng biển.

g) Sách giáo khoa.

h) Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước.

i) Cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi.

k) Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế.

l) Etanol nhiên liệu không biến tính; khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG).

m) Hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, trong trường hợp cần thiết Sở Tài chính chủ trì phối hợp với cơ quan chức năng trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung một số hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương.

3. Cơ quan tiếp nhận và đối tượng thực hiện kê khai giá:

a) Sở Tài chính:

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thông báo Danh sách, điều chỉnh Danh sách các tổ chức sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng kê khai giá trên địa bàn tỉnh theo quy định;

- Tổ chức triển khai Thông báo danh sách các đối tượng kê khai giá thuộc thẩm quyền;

- Tiếp nhận văn bản kê khai giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng kê khai giá theo Thông báo của Ủy ban nhân dân tỉnh; trừ các đối tượng thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Công Thương, Sở Giao thông Vận tải, Sở Y tế.

b) Sở Công Thương:

- Tổ chức triển khai Thông báo danh sách các đối tượng kê khai giá thuộc thẩm quyền;

- Tiếp nhận văn bản kê khai giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi; thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo hướng dẫn của Bộ Công Thương, Bộ Y tế.

c) Sở Giao thông Vận tải:

- Tổ chức triển khai Thông báo danh sách các đối tượng kê khai giá thuộc thẩm quyền;

- Tiếp nhận văn bản kê khai giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng kê khai giá dịch vụ cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi; thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giao thông Vận tải.

d) Sở Y tế:

- Tổ chức triển khai Thông báo danh sách các đối tượng kê khai giá thuộc thẩm quyền;

- Tiếp nhận văn bản kê khai giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước; thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

đ) Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở chuyên ngành (Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Giao thông Vận tải, Sở Y tế) chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan chuyên môn của tỉnh rà soát, đề xuất điều chỉnh danh sách các tổ chức kê khai giá tại địa phương thuộc lĩnh vực quản lý gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thông báo điều chỉnh danh sách các tổ chức kê khai giá tại địa phương.

e) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Thông báo danh sách các cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng kê khai giá trên địa bàn địa phương;

- Tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá của các cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng kê khai giá trên địa bàn địa phương. Định kỳ trước ngày 02 hàng tháng gửi báo cáo về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Cục quản lý giá - Bộ Tài chính;

- Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Chi cục Thuế địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố điều chỉnh Danh sách cá nhân, hộ gia đình kê khai giá tại địa phương.

4. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá thực hiện kê khai giá theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 16 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP và khoản 10 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Cách thức thực hiện và tiếp nhận kê khai giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

6. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong tổ chức thực hiện kê khai giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư 233/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Điều 11. Niêm yết giá

Các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm thực hiện niêm yết giá theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 12. Công khai thông tin về giá

1. Cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về giá có trách nhiệm công khai những thông tin về giá, bao gồm:

- a) Các chủ trương, chính sách, biện pháp quản lý giá của nhà nước.
- b) Các quyết định giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Hình thức công khai: Thực hiện công khai thông tin về giá bằng một hoặc một số hình thức như hợp báo, đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc hình thức thích hợp khác.

2. Cơ quan thông tin, truyền thông có trách nhiệm đưa các thông tin về thị trường, giá cả chính xác, khách quan, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin theo quy định hiện hành.

3. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm công khai thông tin về giá, cung cấp thông tin về giá bao gồm:

a) Các thông tin về định mức tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu; các thông tin kinh tế - kỹ thuật liên quan đến việc kinh doanh, sản xuất hàng hóa, dịch vụ.

b) Mức giá mua hàng hóa, dịch vụ và mức giá bán do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh quyết định và những thông tin khác có liên quan đến việc kinh doanh, sản xuất hàng hóa, dịch vụ.

c) Hình thức công khai thực hiện thông qua việc đăng ký, kê khai giá, niêm yết giá; cung cấp những hóa đơn, chứng từ và các thông tin khác có liên quan khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Những quy định công khai thông tin về giá không áp dụng đối với những thông tin không được phép công khai theo quy định của pháp luật.

Mục 6

THẨM ĐỊNH GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 13. Hoạt động thẩm định giá của Nhà nước

1. Tài sản mà Nhà nước phải thẩm định giá thuộc trường hợp quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá (Nghị định số 89/2013/NĐ-CP của Chính phủ).

2. Trường hợp mua sắm tài sản công nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này) dưới đây, sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá phải có kết quả thẩm định giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cụ thể:

a) Tài sản có giá trị đơn chiếc hoặc mua một lần cùng một loại tài sản có tổng giá trị từ 100 triệu đồng trở lên;

b) Tài sản mua sắm thuộc đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (đối với phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách địa phương), bao gồm:

- Tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;
- Tài sản có giá trị theo từng đợt quyết định mua sắm của cơ quan có thẩm quyền có tổng giá trị từ 500 triệu đồng trở lên.

c) Tài sản thuộc Danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp tỉnh (trừ thuốc) do đơn vị mua sắm tập trung của tỉnh thực hiện.

Kết quả thẩm định giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là căn cứ để đơn vị được giao mua sắm tài sản lập và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tổ chức thực hiện mua sắm theo quy định.

3. Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội sử dụng kinh phí ngân sách cấp tỉnh và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thuê đơn vị có tư cách pháp nhân, đủ điều kiện và năng lực thẩm định giá thực hiện thẩm định giá đối với tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều này (trừ các trường hợp phải thực hiện thẩm định giá theo phân công của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 quy định này).

4. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuê đơn vị có tư cách pháp nhân, đủ điều kiện và năng lực thẩm định giá thực hiện thẩm định giá đối với tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thuộc thẩm quyền quyết định mua sắm của đơn vị mình theo quy định về phân cấp, quản lý sử dụng tài sản công. Trường hợp tài sản được mua sắm, sử dụng từ nguồn kinh phí ngân sách cấp tỉnh thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 14 quy định này.

5. Trường hợp đấu thầu thuốc và đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập và Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ Y tế quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

6. Việc mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

7. Trường hợp tài sản thuộc phạm vi hoạt động thẩm định giá nhà nước mà các văn bản quy phạm pháp luật đã quy định về việc xác định, thẩm định giá hoặc về việc thành lập Hội đồng định giá, Hội đồng thẩm định giá thì thực hiện theo

quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 14. Phân công trách nhiệm thẩm định giá

1. Đối với tài sản quy định tại khoản 1 Điều 13 quy định này:

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định giá thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Trường hợp cần thiết, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước, đảm bảo phù hợp theo quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công, phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối với tài sản quy định tại khoản 2 Điều 13 quy định này:

a) Trường hợp tài sản được mua sắm, sử dụng từ nguồn kinh phí ngân sách cấp tỉnh:

- Sở Tài chính thực hiện thẩm định giá nhà nước đối với:

+ Tài sản có giá trị đơn chiếc hoặc mua một lần cùng một loại tài sản có tổng giá trị từ 500 triệu đồng trở lên;

+ Tài sản quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 quy định này.

+ Tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13 quy định này (trừ các trường hợp do Sở Y tế và Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện thẩm định giá).

- Cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thẩm định giá nhà nước đối với tài sản quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 quy định này (trừ các trường hợp do Sở Tài chính thực hiện thẩm định giá) của đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

- Sở Y tế thực hiện thẩm định giá nhà nước đối với tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13 quy định này trong trường hợp Sở Y tế hoặc các đơn vị trực thuộc Sở Y tế được giao là đơn vị mua sắm tập trung của tỉnh.

- Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện thẩm định giá nhà nước đối với tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13 quy định này trong trường hợp Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo được giao là đơn vị mua sắm tập trung của tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện (hoặc phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện trong trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp huyện ủy quyền) tổ chức thực hiện thẩm định giá nhà nước đối với tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 13 quy định này được mua sắm, sử dụng từ nguồn kinh phí ngân sách cấp huyện, cấp xã.

Điều 15. Hội đồng thẩm định giá tài sản

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định giá theo phân công tại Điều 14 quy định này thành lập Hội đồng thẩm định giá tài sản để tổ chức thực hiện thẩm định giá đối với tài sản được phân công thẩm định, cụ thể:

a) Hội đồng thẩm định giá tài sản cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập theo đề nghị của Sở Tài chính.

b) Hội đồng thẩm định giá tài sản cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập theo đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.

c) Hội đồng thẩm định giá tài sản của Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở, ban, ngành cấp tỉnh do Thủ trưởng cơ quan quyết định thành lập.

2. Hội đồng thẩm định giá tài sản hoạt động theo quy định tại Điều 28, Điều 29, Điều 30 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP của Chính phủ, khoản 5 Điều 11 Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính (Thông tư số 38/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính) và quy định về thẩm định giá của nhà nước tại Quyết định này.

Điều 16. Trình tự, thủ tục thẩm định giá và chi phí thẩm định giá của nhà nước

Thực hiện theo quy định tại Mục 4 Chương II Nghị định số 89/2013/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 38/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Mục 7

CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ

Điều 17. Xây dựng cơ sở dữ liệu về giá

1. Nội dung cơ sở dữ liệu về giá thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi Điều 25 Nghị định 177/2013/NĐ-CP của Chính phủ, Điều 4 Thông tư số 142/2015/TT-BTC ngày 04/9/2015 của Bộ Tài chính quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm phối hợp xây dựng dữ liệu về giá phục vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

Mục 8

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG

Điều 18. Cơ quan, tổ chức báo cáo giá thị trường

1. Cơ quan, tổ chức báo cáo giá thị trường gồm có:

a) Sở Tài chính.

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.

c) Các đơn vị được giao nhiệm vụ báo cáo giá thị trường quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các đơn vị được giao nhiệm vụ báo cáo giá thị trường:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Báo cáo giá thị trường đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư 116/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính Quy định chế độ báo cáo giá cả thị trường (Thông tư 116/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính).

b) Sở Giao thông Vận tải:

Báo cáo giá thị trường đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Giao thông trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư 116/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính (trừ mặt hàng xăng E5RON 92; xăng RON 95, dầu Diesel).

c) Sở Y tế:

Báo cáo giá thị trường đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Thuốc chữa bệnh cho người và Dịch vụ y tế trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư 116/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính.

d) Sở Giáo dục và Đào tạo:

Báo cáo giá thị trường đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư 116/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính.

đ) Sở Công Thương:

Báo cáo giá thị trường đối với nhóm mặt hàng xăng E5RON 92; xăng RON 95, dầu Diesel.

Điều 19. Kỳ báo cáo

1. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, các đơn vị được giao nhiệm vụ báo cáo giá thị trường:

a) Định kỳ ngày cuối cùng hàng tháng, quý, năm thực hiện tổng hợp số liệu báo cáo giá thị trường trên địa bàn, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý.

b) Gửi báo cáo giá thị trường về Sở Tài chính trước ngày 02 tháng tiếp theo của kỳ báo cáo; đối với các tháng cuối quý (tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12), thực hiện báo cáo giá thị trường tương ứng 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và 12 tháng (gọi chung là báo cáo dài hạn).

c) Trường hợp có biến động bất thường về giá hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thực hiện báo cáo đột xuất về tình hình biến động giá của một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu tại địa phương gửi cơ quan có thẩm quyền đồng thời gửi Sở Tài chính.

2. Sở Tài chính:

a) Tổng hợp số liệu báo cáo giá thị trường của các Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện và các đơn vị được giao nhiệm vụ báo cáo giá thị trường.

b) Thực hiện báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư 116/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Điều 20. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức báo cáo giá thị trường

1. Các cơ quan thực hiện báo cáo giá thị trường có trách nhiệm xây dựng, củng cố và hoàn thiện hệ thống thu thập thông tin giá thị trường; tổ chức công tác thu thập và báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình giá thị trường hàng hóa, dịch vụ tại địa bàn, lĩnh vực do mình quản lý; thực hiện và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện chế độ báo cáo giá thị trường theo quy định tại Điều 3, 6, 7 và khoản 2 Điều 8 Thông tư số 116/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện và các đơn vị được giao nhiệm vụ báo cáo giá thị trường thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư 116/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính.

3. Sở Tài chính:

a) Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư 116/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính.

b) Hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện chế độ báo cáo giá thị trường theo quy định.

**CHƯƠNG III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định Quản lý nhà nước về giá theo quy định tại Quyết định này.

2. Những nội dung quản lý nhà nước về giá không quy định tại Quy định này, thực hiện theo quy định tại Luật Giá, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Giá và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. /.

